

1. Những áp lực của toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế

Thực tế cho thấy toàn cầu hoá là xu thế của thế giới hiện nay, là quá trình phát triển của nền kinh tế thị trường hiện đại. Nội dung chính của toàn cầu hoá hiện nay là toàn cầu hoá kinh tế, kéo theo quá trình toàn cầu hoá của các lĩnh vực có liên quan khác như chính trị, văn hoá xã hội. Có thể thấy, toàn cầu hoá tạo ra một quá trình hướng tới sự phát triển có tính thống nhất toàn cầu thì hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình chủ động tham gia vào tiến trình chung của mỗi quốc gia tùy theo những điều kiện phát triển cụ thể của mình. Quá trình hội nhập kinh tế được diễn ra đồng thời

quốc gia đang phát triển như VN. Về cơ hội, khi tham gia vào các định chế kinh tế – tài chính quốc tế các quốc gia đang phát triển có thể chủ động bảo vệ những quyền lợi chính đáng của mình, giảm thiểu những khác biệt và sự phân biệt đối xử trong thương mại quốc tế. Đồng thời toàn cầu hoá thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động ngoại thương, đầu tư và chuyển giao công nghệ gắn liền với quá trình phát triển thị trường tạo điều kiện cho những công ty và những ngành sản xuất trong nước tiếp cận những nguồn vốn và công nghệ kỹ thuật tiên tiến, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng phát triển thị trường trên phạm vi thế giới, nhanh chóng tham gia vào quá

dòng hàng hoá, đầu tư và công nghệ từ các nước phát triển, và đây là một thách thức lớn mà các nước đang phát triển phải đối mặt. Quá trình hội nhập kinh tế cũng làm trầm trọng thêm mâu thuẫn xã hội và gia tăng khoảng cách giàu nghèo, làm cho hoạt động và đời sống con người kém an toàn hơn.

Toàn cầu hoá và quá trình hội nhập kinh tế là một tất yếu không thể đảo ngược. Quá trình này tạo ra những cơ hội lớn và những thách thức không nhỏ đối với các nước trong đó có VN. Là một nước đang phát triển có điểm xuất phát thấp VN phải khẳng định con đường phát triển kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc

Những thách thức của ngành thủy sản Việt Nam trong hội nhập kinh tế

TRẦN THẾ HOÀNG

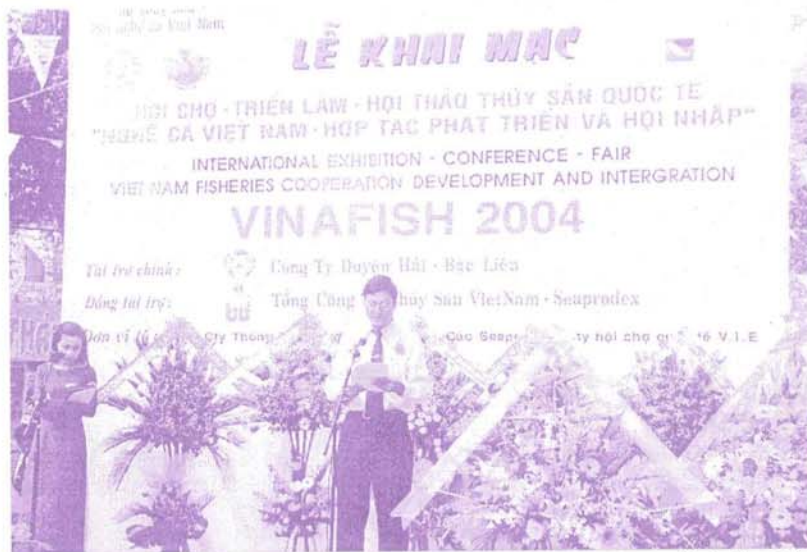
trên hai mặt. Thứ nhất, tiến hành quá trình ký kết và tham gia vào các định chế kinh tế – tài chính quốc tế để thực hiện các luật chơi chung trên nguyên tắc giảm thiểu khác biệt và không phân biệt đối xử. Thứ hai, nhanh chóng tiến hành quá trình cải cách kinh tế trong nước, điều chỉnh cơ cấu kinh tế phù hợp với yêu cầu phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và của các doanh nghiệp, thực sự tham gia có hiệu quả vào quá trình cạnh tranh quốc tế.

Quá trình này mở ra nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng đặt ra những rủi ro và thách thức to lớn cho các

trình phân công lao động quốc tế, tăng nhanh tốc độ công nghiệp hoá và sự phát triển của nền kinh tế.

Về những thách thức, toàn cầu hoá làm cho áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt, mức độ đối đầu trực tiếp giữa các công ty ngày càng gia tăng. Những công ty ở các nước đang phát triển do qui mô nhỏ, khả năng nghiên cứu phát triển kém nên thường bị đẩy vào thế bất lợi trong cạnh tranh. Do đòi hỏi của quá trình hội nhập kinh tế, các nước phải tự do hoá nền kinh tế, gỡ bỏ các hàng rào bảo hộ nền kinh tế do đó đối với các nước đang phát triển luôn chịu một sức ép mạnh mẽ từ các

tế trên cơ sở phát huy những lợi thế so sánh của mình, trong đó nhấn mạnh đến tăng trưởng xuất khẩu những mặt hàng công nghiệp chế biến. Điều đó có nghĩa VN phải thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá theo hướng xuất khẩu, tập trung nguồn lực phát triển những ngành công nghiệp chế biến có ưu thế và năng lực cạnh tranh như dệt may, thủy sản... Kinh nghiệm phát triển từ các nước đi trước cho thấy, muốn thành công cần phải gia tăng tỉ trọng của ngành công nghiệp chế biến trong tổng kim ngạch xuất khẩu lên trên 80%. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc nâng cao năng



Ảnh Hòa Tấn

lực cạnh tranh của các ngành công nghiệp chế biến trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Ngành thủy sản VN trước những áp lực cạnh tranh mới

Khai thác và chế biến thủy sản là một ngành quan trọng của nền kinh tế VN, đóng góp không nhỏ vào sự tăng trưởng của nền kinh tế những năm vừa qua. Năm 2004 kim ngạch xuất khẩu của thủy sản đạt mức 2,397 tỉ USD, chiếm tỉ trọng 9,22% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của VN⁽¹⁾. Ngành thủy sản VN đang đứng trước những cơ hội phát triển mạnh mẽ:

-Thứ nhất, thị trường sản phẩm thủy sản thế giới đang gia tăng nhanh chóng đạt mức tăng trưởng 12% trong vòng 10 năm qua và mức tăng trưởng này vẫn đang duy trì trong những năm sắp tới⁽²⁾ đặc biệt là ở những nước phát triển. Mức độ tăng trưởng này lại phụ thuộc vào việc nuôi trồng thủy sản, vì khai thác thủy sản đang ngày càng cạn kiệt và do những chính sách bảo vệ tài nguyên của các quốc gia. Với lợi thế về điều kiện tự nhiên và chi phí trong nuôi trồng thủy sản, VN sẽ có một ưu thế lớn trong việc đáp ứng mức độ gia tăng nhu cầu sản phẩm thủy sản. Ngoài ra, do đi sau nên ngành thủy sản VN còn rút được những bài học kinh nghiệm quý giá trong đầu tư phát triển kể cả công nghệ kỹ thuật lẫn mô hình hoạt động.

-Thứ hai, xu hướng đa dạng hoá sản phẩm thị trường đang trở nên rõ nét. Mặc dù hội nhập có chậm nhưng ngành thủy sản VN đã có những kết quả ban đầu mang tính nền tảng cho cạnh tranh, xuất khẩu sang hơn 50 nước, thị trường Mỹ đang ngày càng mở rộng, thị trường EU được công nhận vào danh sách 1⁽³⁾, tạo cân bằng tốt hơn về thị trường, giảm sự lệ thuộc vào một vài thị trường chính, giảm rủi ro trong phát triển. Đa dạng hoá sản phẩm thủy sản đang diễn ra theo hai xu hướng lớn, một mặt những sản phẩm cao cấp có tính tiện dụng cao như đồ hộp hay thủy sản tươi sống đang phát triển với tốc độ cao, mặt khác những sản phẩm thủy sản truyền thống vẫn tiếp tục giữ được tốc độ phát triển ổn định. Chính điều này đã tạo thuận lợi rất lớn cho ngành thủy sản

VN khi vừa tiến hành đầu tư những trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường, nhưng vẫn có khả năng khai thác tối đa cơ sở hạ tầng hiện có. Đa dạng hoá thị trường và sản phẩm tạo cơ hội cho ngành thủy sản VN phát huy lợi thế so sánh về lao động, chi phí và tài nguyên trong quá trình cạnh tranh với các quốc gia có ngành thủy sản phát triển.

-Thứ ba, trước áp lực của toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế trong ngành thủy sản xuất hiện sự liên kết dọc chặt chẽ giữa khai thác, nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm để bảo đảm chất lượng cũng như giảm sự tác động của khủng hoảng thừa thiếu. Xu hướng này làm gia tăng năng lực cạnh tranh của ngành nhưng lại đòi hỏi sự phát triển nhanh chóng các thành phần kinh tế và nhu cầu hình thành các công ty khai thác sản xuất có qui mô lớn. Đòi hỏi này phù hợp với xu thế cải cách kinh tế hiện nay ở VN và chúng ta đã có những điều chỉnh cơ cấu sản xuất theo hướng phát triển này.

Trong "Chiến lược phát triển xuất khẩu thủy sản đến năm 2010" được triển khai từ những năm 1995, chúng ta đặt mục tiêu phát triển đến hết năm 2005 là đạt 2 tỉ USD kim ngạch xuất khẩu, thực tế hết năm 2004 kim ngạch xuất khẩu ngành thủy sản đã đạt 2,397 tỉ USD. Điều này cho thấy tiềm năng phát triển của thủy sản VN là rất lớn và mục tiêu 4 tỉ USD kim ngạch xuất khẩu năm 2010 là hoàn toàn có thể thực hiện được. Bên cạnh những cơ hội phát triển mạnh mẽ thì ngành thủy sản VN lại đang đứng trước những thách thức của hội nhập, nếu không có chiến lược phát triển phù hợp, không có những biện pháp quyết liệt nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành thì nguy cơ tụt hậu và bị đào thải trên thị trường thế giới là rất lớn. Những thách thức đó là:

- VN nằm trong khu vực có tốc độ phát triển kinh tế cao trên thế giới, trong lĩnh vực thủy sản chúng ta phải đối phó với áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các nước trong khu vực, trong đó Trung Quốc đang trở thành nước có mức độ khai thác và xuất khẩu thủy sản lớn nhất thế giới. Các

nước trong khu vực ASEAN như Thái Lan và Indonesia cũng là những nước khai thác và xuất khẩu thủy sản lớn trên thế giới. Với những điều kiện thuận lợi về môi trường, tài nguyên và lao động, những quốc gia này sẽ là những đối thủ cạnh tranh nặng ký. Những lợi thế so sánh của VN sẽ khó phát huy tác dụng nếu không có những biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cho ngành thủy sản VN.

- Những thị trường chính của thủy sản VN đang đứng lên những rào cản cạnh tranh gây rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp VN, đó là những rào cản về mặt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, những đòi hỏi khắt khe về quy trình sản xuất và yếu tố xã hội (như những tiêu chuẩn của hệ thống chất lượng GMP, SSOP, HACCP...) hay những chính sách phân biệt như hạn ngạch, chính sách chống bán phá giá... Những rào cản này đòi hỏi các doanh nghiệp VN phải tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ, tái cấu trúc doanh nghiệp làm ảnh hưởng lớn đến lợi thế về chi phí – vốn là một thế mạnh của các doanh nghiệp VN. Những đòi hỏi khắt khe của các thị trường lớn như Mỹ hay EU ngày càng gia tăng tạo ra những rào cản cạnh tranh ngày càng lớn.

- Bản thân nội bộ ngành thủy sản VN hiện nay có những điểm yếu cần nhanh chóng khắc phục, những điểm yếu này tác động mạnh tới năng lực cạnh tranh của ngành thủy sản VN trên thị trường thế giới. Yếu kém đầu tiên là khả năng khai thác đánh bắt xa bờ, không khai thác có hiệu quả ngư trường rộng lớn và dồi dào tài nguyên. Nuôi trồng thủy sản đã có những bước tiến vượt bậc, nhưng trong thực tế cho thấy tình trạng qui hoạch kém dẫn tới nuôi trồng thủy sản theo phong trào gây mất cân đối trong phát triển, ảnh hưởng lớn đến sự ổn định của cung ứng nguyên liệu đầu vào, đồng thời gây ra những vấn đề ô nhiễm môi trường và sự lệ thuộc thời vụ khá rõ rệt. Tình trạng mất cân đối về nhu cầu nguyên liệu ảnh hưởng rất lớn đến lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp thủy sản nhưng chưa có biện pháp giải quyết mang tính lâu dài. Chất lượng đầu vào cũng là một vấn đề gây khó khăn cho sản

xuất và chế biến thủy sản, những bất lợi trong xuất khẩu thủy sản sang các thị trường lớn như EU hay Mỹ. Chất lượng đầu vào không bảo đảm không còn là nguy cơ tiềm ẩn nữa, mà trở thành nguy cơ thực sự dẫn tới đánh mất thị trường tiêu thụ rộng lớn này. Trình độ công nghệ kỹ thuật của ngành thủy sản vẫn chưa đáp ứng kịp những nhu cầu và đòi hỏi về mặt chất lượng sản phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm, tỉ lệ các doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn HACCP còn rất thấp đang thực sự là những thách thức lớn cho việc phát triển ngành thủy sản VN.

- Tỉ trọng hàng thủy sản sơ chế còn chiến tỉ trọng cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành thủy sản, ảnh hưởng đến lợi nhuận đạt được của ngành, đồng thời làm giảm sức mạnh cạnh tranh đối với các thị trường lớn như Mỹ và EU. Muốn nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm thủy sản xuất khẩu, ngành thủy sản VN phải đổi mới với áp lực đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao khả năng phát triển sản phẩm mới, những sản phẩm có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu cao cấp của những thị trường phát triển. Điều này đòi hỏi phải tăng cường đầu tư trang thiết bị công nghệ, nâng cao năng lực quản lý và áp dụng những phương pháp quản lý mới tức là chúng ta phải đứng trước thách thức

về vốn đầu tư và quá trình tái cấu trúc mạnh mẽ các doanh nghiệp trong ngành thủy sản.

Với những thuận lợi và những thách thức của quá trình phát triển, để đạt được mục tiêu chiến lược của ngành thủy sản đến năm 2010 là phát triển ổn định và bền vững, đạt kim ngạch xuất khẩu 4 tỉ USD, cần phải có những biện pháp thích hợp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho ngành thủy sản. Nhìn một cách tổng quát, trước những áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các nước trong khu vực và trên thế giới, để ngành thủy sản VN trở thành một ngành công nghiệp quan trọng đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế VN, ngành thủy sản VN cần tập trung vào các biện pháp chính. Đó là: (1) hoàn thiện cơ chế quản lý ngành và các chính sách phát triển tạo điều kiện phát triển nhanh chóng các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế để khai thác nội lực cho sự phát triển chung của ngành; (2) tái cấu trúc nhanh chóng các doanh nghiệp thủy sản theo hướng hội nhập và khai thác tối đa lợi thế so sánh của mình; (3) tập trung qui hoạch nguồn nguyên liệu bảo đảm sự ổn định cả về số lượng lẫn chất lượng đầu vào, tạo sự ổn định và duy trì lợi thế chi phí cho các doanh nghiệp của

ngành thủy sản; (4) đa dạng hoá sản phẩm và thị trường nhằm tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp đồng thời giảm đến mức thấp nhất sự lệ thuộc vào một thị trường chính, bảo đảm sự phát triển mang tính ổn định và bền vững; (5) xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm thủy sản VN, tạo ra năng lực và lợi thế cạnh tranh về thương hiệu làm tăng giá trị gia tăng của sản phẩm thủy sản xuất khẩu của VN trên thị trường thế giới; (6) tập trung trang bị công nghệ kỹ thuật phù hợp đáp ứng những tiêu chuẩn chất lượng mới nhưng bảo đảm phù hợp trong điều kiện nguồn vốn đầu tư còn hạn chế hiện nay và (7) đào tạo phát triển nhân lực trong ngành thủy sản nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí và tăng khả năng tiếp cận những công nghệ kỹ thuật hiện đại và trình độ quản lý mới bảo đảm tốc độ tăng trưởng nhanh của ngành thủy sản trong hội nhập kinh tế.

Những giải pháp được nêu ra trên đây mang tính tổng thể, chúng tôi sẽ trình bày cụ thể sau ■

Chú thích

- (1) PGS.TS Đoàn Thị Hồng Vân, Xuất khẩu 2005 hướng tới mục tiêu 30,5 tỉ USD, Tạp chí Phát triển kinh tế số 172, tháng 2.2005, trang 23.
- (2) Nguồn Bộ thủy sản.
- (3) Nguồn <http://www.vasep.com.vn>.

(Tiếp theo trang 16)

Tiềm lực trí thức ...

Ngày nay vẫn còn có những người ở hải ngoại do cách nhìn nhận mơ hồ về thực chất của chủ nghĩa xã hội, lầm lẫn giữa việc chống cái ác cái xấu với chống chủ nghĩa xã hội, không chịu suy nghĩ thêm để thấy cái cơ "trùng trùng duyên khởi". Chủ nghĩa xã hội thông qua các điều kiện thực tế có thể trở nên khiếm khuyết ở một số trường hợp, nhưng đã người trí thức thì phải biết khoan dung, chống hay xây đều cần dựa trên nền tảng phân tích văn hóa-triết học-xã hội của những vấn đề đang xét. Chẳng hạn dù ghét hay ưa, người ta cũng không thể suy nghĩ một vấn đề liên quan đến nhân loại mà phủ nhận sạch trơn như

chưa bao giờ có chủ nghĩa cộng sản tồn tại trên đời, cũng không thể vì ghét cộng sản mà chống lại con người, nghĩa là gián tiếp chống lại những người lao động nghèo khổ đang thật sự cần sự giúp đỡ.

Tôi cho rằng tiềm lực của trí thức Việt kiều ngoài khả năng đóng góp về mặt tiền của và tri thức cụ thể, còn có khả năng tác động mạnh mẽ về mặt phê bình, như nhiều người có thiện ý đã làm thể hiện qua những cuộc gặp gỡ bàn bạc với chính quyền hoặc bài viết trên báo bằng những lời lẽ khiêm cung và nhã ái. Lê-nin đã từng nhắc nhở những đồng chí cách mạng của mình, được kể trong cuốn sách của An-ri Gi-li-bô: "Người chú ý lắng nghe ý kiến của những kẻ đối lập cũng như chú ý đọc sách, đọc các

bài báo của kẻ thù và ghi nhận xét của mình vào sách. Tôi thường bắt gặp Người nghiên cứu và nhận xét các sách của bọn "Trắng" xuất bản ở Béc-ling, Pa-ri hoặc Tô-ki-ô. Nét mặt người rạng rỡ, "Những người này đã giúp đỡ chúng ta rất nhiều. Họ nhắc chúng ta chú ý đến tất cả những sai lầm và hành động ngược ngạnh mà chúng ta đã mắc phải. Chúng ta phải cảm ơn họ". Trái lại Người không ưa kẻ khác tấn tưng mình hoặc thù ghét thêm những thành tích đã đạt được ở Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, dù chỉ là để tuyên truyền, "Chúng ta không cần bọn xiêm-ninh. Chúng ta cần những người nói thật" (Lê-nin, Bàn về văn học nghệ thuật, NXB. Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, 1963, tr. 113-114) ■